

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 5674/STC-QLNS ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Tại điểm c, d khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí quy định:

“Điều 4. Quy định về thanh toán tiền vé các phương tiện đi lại

1. Về tiêu chuẩn mua vé máy bay

c) Đối với Trưởng đoàn công tác là cấp phó của người đứng đầu các cơ quan Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, Đoàn Đại biểu Quốc hội của các tỉnh, thành phố; Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố quy định cụ thể về việc áp dụng tiêu chuẩn mua vé máy bay đảm bảo phù hợp với đặc thù và khả năng cân đối kinh phí của ngân sách địa phương.

d) Đối với lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,25 nhưng không thuộc đối tượng mua vé hạng thương gia (Business class hoặc C class): Hạng ghế phổ thông đặc biệt, linh hoạt (Premium, Deluxe, Plus, Flex).

Trường hợp do yêu cầu công tác đột xuất nhưng không mua được các hạng vé phổ thông đặc biệt, linh hoạt, người đi công tác là lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,25 và trưởng các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được mua vé máy bay hạng thương gia (Business class hoặc C class). Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ở trung ương, Hội đồng nhân dân

các tỉnh, thành phố quy định cụ thể về việc áp dụng quy định này bảo đảm phù hợp với đặc thù và khả năng cân đối kinh phí của cơ quan, đơn vị, địa phương mình;”.

Tại khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Căn cứ các quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí trên địa bàn tỉnh An Giang ***là cần thiết và đúng thẩm quyền.***

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 4 Thông tư số 140/2025/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước; các cá nhân có liên quan được cấp có thẩm quyền cử đi công tác ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí theo tại điểm c, d khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 140/2025/TT-BTC, gồm:

a) Đối với Trưởng đoàn công tác là cấp phó của người đứng đầu các cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.

b) Đối với lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,25 nhưng không thuộc đối tượng mua vé hạng thương gia (Business class hoặc C class).”

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh một số nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Điều chỉnh viện dẫn theo quy định tại khoản 38 Điều 1 của Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“38. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 68 như sau:

“1. Việc viện dẫn văn bản được thực hiện như sau:

...

b) Đối với văn bản khác, **khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản.** Đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.

Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.”.

Theo đó, điều chỉnh viện dẫn tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau:

“1. ... theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.”.

b) Đề xuất bỏ từ “vé” trong cụm từ “quy định về tiêu chuẩn” tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

c) Tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về chế độ công tác phí đối với ... (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) được cử đi công tác hoặc được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí (sau đây gọi chung là đi công tác ở nước ngoài).”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết bảo đảm phù hợp với Điều 1 của Thông tư số 140/2025/TT-BTC.

Theo đó, dự thảo Nghị quyết hiện chỉ quy định đối với trường hợp đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài, trong khi Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định bao gồm cả trường hợp được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định phạm vi điều chỉnh cho đầy đủ, phù hợp, tránh phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện sau khi Nghị quyết được ban hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đề xuất bỏ cụm từ “theo tại điểm c, d khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 140/2025/TT-BTC” tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

b) Đề xuất quy định đối tượng áp dụng thành 02 điểm (điểm a: đối tượng là cơ quan, tổ chức và điểm b: đối tượng là cá nhân).

c) Bỏ từ “Đối với” tại điểm a, b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh định lề trang; đánh số trang theo quy định tại khoản 3, 7 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

“3. Định lề trang: Cách mép trên và mép dưới, mép phải 15 - 20 mi-li-mét (mm), cách mép trái 30 - 35 mi-li-mét (mm).

7. Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng số Ả Rập, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng, không hiển thị số trang thứ nhất, đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. ...”

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh phần Xét Tờ trình thành:

“Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí trên địa

bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;”.

3. Điều 2

a) Đề xuất cơ quan soạn thảo bỏ từ “*Quy định*” trong tên Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

b) Tại điểm d khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định:

“Điều 4. Quy định về thanh toán tiền vé các phương tiện đi lại

1. Về tiêu chuẩn mua vé máy bay

d) Đối với lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,25 nhưng không thuộc đối tượng mua vé hạng thương gia (Business class hoặc C class): Hạng ghế phổ thông đặc biệt, linh hoạt (Premium, Deluxe, Plus, Flex).

Trường hợp do yêu cầu công tác đột xuất nhưng không mua được các hạng vé phổ thông đặc biệt, linh hoạt, người đi công tác là lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,25 và trường các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được mua vé máy bay hạng thương gia (Business class hoặc C class). Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ở trung ương, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố quy định cụ thể về việc áp dụng quy định này bảo đảm phù hợp với đặc thù và khả năng cân đối kinh phí của cơ quan, đơn vị, địa phương mình;”.

Như vậy, Thông tư số 140/2025/TT-BTC đã quy định cụ thể tiêu chuẩn mua vé máy bay đối với lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,25 nhưng không thuộc đối tượng được mua vé hạng thương gia. Đồng thời, Thông tư chỉ giao **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng quy định** đối với trường hợp do yêu cầu công tác đột xuất, người đi công tác là lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,25 không mua được các hạng vé phổ thông đặc biệt, linh hoạt **được mua vé máy bay hạng thương gia (Business class hoặc C class).**

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết và tính phù hợp của việc quy định lại nội dung: “*Đối với lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,25 nhưng không thuộc đối tượng mua vé hạng thương gia (Business class hoặc C class): Hạng ghế phổ thông đặc biệt, linh hoạt (Premium, Deluxe, Plus, Flex).*” tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết nhằm bảo đảm thống nhất với quy định của Thông tư số 140/2025/TT-BTC và đúng phạm vi nội dung được giao quy định chi tiết.

c) Việc quy định hồ sơ, tài liệu chứng minh đối với trường hợp không mua được các hạng ghế phổ thông đặc biệt, linh hoạt tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết nhằm tăng cường việc kiểm soát chi ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định này có phù hợp, cần thiết và đúng theo nội dung được giao hay không do khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết đã đặt ra nguyên tắc về trách nhiệm và tính chính xác, hợp lệ của hồ sơ.

Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát trường hợp không quy định cụ thể hồ sơ, tài liệu chứng minh trong Nghị quyết mà thực hiện hướng dẫn trong quá trình tổ chức thực hiện sau khi Nghị quyết được thông qua nhằm bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp thực tiễn thì có phù hợp không.

Trường hợp vẫn giữ nội dung quy định này trong dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định về hồ sơ, tài liệu chứng minh thành một điểm hoặc một nội dung riêng tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết nhằm bảo đảm tính rõ ràng, thuận tiện trong quá trình áp dụng.

d) Khoản 2, khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định:

“Điều 2. Quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí

2. Đối với lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,25 nhưng không thuộc đối tượng mua vé hạng thương gia (Business class hoặc C class): Hạng ghế phổ thông đặc biệt, linh hoạt (Premium, Deluxe, Plus, Flex).

Trường hợp do yêu cầu công tác đột xuất nhưng không mua được các hạng vé phổ thông đặc biệt, linh hoạt, người đi công tác là lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,25 được mua vé máy bay hạng thương gia (Business class hoặc C class). Việc xác định không còn vé hạng phổ thông phải có tài liệu chứng minh kèm theo như: ảnh chụp màn hình hệ thống đặt vé của hãng hàng không/đại lý hoặc xác nhận của đơn vị cung cấp dịch vụ tại thời điểm đặt vé và phải được cơ quan cử đi công tác nước ngoài quyết định cho mua vé máy bay hạng thương gia (Business class hoặc C class).

3. Người đề xuất mua vé hạng thương gia (Business class hoặc C class) và bộ phận thực hiện mua vé chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lệ của hồ sơ. Không thanh toán trong các trường hợp: chậm đặt vé do nguyên nhân chủ quan; tự lựa chọn chuyến bay không phù hợp khi vẫn còn vé hạng phổ thông đáp ứng yêu cầu công tác hoặc nâng hạng theo nhu cầu cá nhân.”

Căn cứ nội dung trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát một số nội dung sau:

Thứ nhất: điều chỉnh từ “*hạng*” thành “*hạng ghế*” nhằm đảm bảo phù hợp, thống nhất trong toàn bộ dự thảo Nghị quyết và Điều 4 của Thông tư số 140/2025/TT-BTC (ví dụ: “*hạng thương gia*” thành “*hạng ghế thương gia*”).

Thứ hai: điểm d khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 140/2025/TT-BTC và khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định đối với hạng ghế “*phổ thông đặc biệt, linh hoạt*”, tuy nhiên, khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết chỉ quy định “*hạng phổ thông*”, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định đầy đủ, phù hợp và thống nhất.

Thứ ba: qua rà soát, có thể thấy quy định tại khoản 3 mang tính chất bổ trợ, nhằm xác định trách nhiệm của “*Người đề xuất mua vé hạng thương gia (Business class hoặc C class) và bộ phận thực hiện mua vé*” trong trường hợp “*không mua được vé hạng phổ thông đặc biệt, linh hoạt*” theo quy định tại khoản 2. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh, bố cục nội dung tại khoản 3 thành một điểm trong khoản 2 để bảo đảm tính logic, thống nhất và thuận tiện trong áp dụng.

Thứ tư: tại điểm a khoản 4 Điều 4 của Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định:

“Điều 4. Quy định về thanh toán tiền vé các phương tiện đi lại

4. Việc thanh toán tiền vé các phương tiện đi lại căn cứ theo hóa đơn mua vé hoặc chứng từ trả tiền hợp pháp theo quy định.

a) Đối với người đi công tác không thuộc trường hợp được mua vé hạng thương gia (Business class hoặc C class) **nếu có nguyện vọng mua vé hạng thương gia thì được thanh toán bằng mức kinh phí mua vé hạng ghế phổ thông đặc biệt, linh hoạt hoặc hạng thường theo quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay quy định tại điểm d hoặc điểm đ khoản 1 Điều này; phần chênh lệch chi phí phát sinh do cá nhân tự chi trả;**”

Căn cứ quy định trên, trường hợp người đi công tác không thuộc đối tượng được mua vé hạng ghế thương gia thì vẫn được phép mua vé hạng ghế thương gia nếu có nhu cầu, tuy nhiên, chỉ được thanh toán theo mức vé phổ thông tương ứng và phải tự chi trả phần chênh lệch phát sinh.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh, quy định rõ ràng, phù hợp hơn nội dung “*Không thanh toán trong các trường hợp: chậm đặt vé do nguyên nhân chủ quan; tự lựa chọn chuyến bay không phù hợp khi vẫn còn vé hạng phổ thông đáp ứng yêu cầu công tác hoặc nâng hạng theo nhu cầu cá nhân*” tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày phần thẩm quyền ký ban hành theo quy định tại khoản 7 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

“7. Ký văn bản quy phạm pháp luật

b) Chức vụ của người có thẩm quyền ký văn bản được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng, đậm.”

IV. TỜ TRÌNH DỰ THẢO

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh Tờ trình dự thảo theo ý kiến tại Mục II, III của Báo cáo này và một số nội dung sau:

1. Do Tờ trình dự thảo là văn bản hành chính nên đề nghị điều chỉnh viện dẫn theo quy định tại điểm b khoản 6 Mục II Phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư, cụ thể:

“6. Nội dung văn bản

b) Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại, số, ký hiệu của văn bản, thời gian ban hành văn bản, tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (đối với Luật và Pháp lệnh chỉ ghi tên loại và tên của Luật, Pháp lệnh); trong các lần viện dẫn tiếp theo, chỉ ghi tên loại và số, ký hiệu của văn bản đó.”

Lưu ý:

a) In đậm tên các Điều khi viện dẫn.

b) Điều chỉnh thẩm quyền ban hành Thông tư: “*Bộ Tài chính*” thành “*Bộ trưởng Bộ Tài chính*”.

2. Rà soát, điều chỉnh cơ sở thực tiễn chính xác hơn (cơ sở thực tiễn đang chứa cơ sở pháp lý).

3. Rà soát nội dung 1.2 khoản 1 Mục II là mục đích ban hành hay quan điểm xây dựng.

4. Bỏ đối tượng áp dụng tại khoản 3 Mục IV do nội dung này đã được trình bày tại khoản 1 Mục IV.

5. Rà soát, điều chỉnh một số từ, cụm từ sau:

a) Bỏ 01 cụm từ “*Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh,*” tại phần mở đầu do thừa; bỏ cụm từ “*tại Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng ... năm 2026*” tại Mục III.

b) Rà soát, thực hiện quy ước viết tắt trước khi thực hiện viết tắt.

c) Điều chỉnh từ, cụm từ sau: “Ban hành” thành “ban hành”; “*Thông qua*” thành “*thông qua*”; “*Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Tờ trình...*” thành “*Sở Tài chính đã xây dựng và lấy ý kiến góp ý dự thảo Tờ trình...*”.

6. Điều chỉnh thời gian trình thông qua trong trường hợp trình kịp trong kỳ họp thường lệ giữa năm Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Điều chỉnh phần cuối Tờ trình dự thảo thành:

“Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí trên địa bàn tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.”.

8. Bổ sung đầy đủ hồ sơ gửi kèm theo theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Ngày 04 tháng 6 năm 2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 243/NQ-TT ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết và nội dung giao quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026; Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính. Trong đó, chấp thuận Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Sở Tài chính đã dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến góp ý tại Công văn số 5043/STC-QLNS ngày 09 tháng 6 năm 2026 về việc góp ý đối với dự thảo Tờ trình và Nghị quyết quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Trên cơ sở tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính đề nghị Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 5674/STC-QLNS.

VI. KẾT LUẬN

Dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét,

quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh theo ý kiến tại Mục II, III, IV của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, btpthao.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc